TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST-YB
Ngày: 26-8-2025
V/v:"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đức và ông Trần Ngọc Thái

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai *tham gia phiên toà:* Ông Lương Huy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2025 và thông báo mở lại phiên toà số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành S, sinh năm 1988

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Y, tỉnh Yên Bái (Nay là thôn T, xã T, tỉnh Lào Cai).

(Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt; chị H triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – anh Nguyễn Thành S trình bày*:

*Về quan hệ hôn nhân:*Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu H trên cơ sở có được tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08-4-2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện

Y, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh không được chị H tôn trọng. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng với chị H không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 08-4-2016. Anh có nguyện vọng giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con là 200.000 đồng/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Chị Nguyễn Thị Thu H có lời khai thể hiện:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Thành S vào ngày 08-4-2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống thường xảy ra cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh S yêu cầu ly hôn, chị cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 08-4-2016. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con là 200.000 đồng/ tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Ý kiến của con chung:* Cháu Nguyễn Mạnh C có nguyện vọng ở với mẹ là Nguyễn Thị Thu H

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Lao Cai tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110,116,117 Luật hôn nhân gia đình; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 147, Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5, Điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban hường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

anh Nguyễn Thành S để xử cho anh Nguyễn Thành S được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 08-4-2016 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật, anh S cấp dưỡng nuôi con là 200.000 đồng/ tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật; Về án phí ly hôn: Do anh Nguyễn Thành S và chị Nguyễn Thị Thu H đều nhất trí ly hôn trước khi mở phiên toà nên anh S và chị H, mỗi bên phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng Thành S1 phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã V, huyện Y, tỉnh Yên Bái (nay là thôn T, xã T, tỉnh Lào Cai) nên yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thành S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai.

Anh Nguyễn Thành S và chị Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành S và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Yên Bái (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lào Cai) ngày 08-4-2015, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S và chị H đều xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa và cũng đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Thành S và chị Nguyễn Thị Thu H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thành S là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho anh Nguyễn Thành S được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

[3] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Thành S và chị Nguyễn Thị Thu H đều xác định vợ chồng có có một con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 08-4-2016. Hai bên đều thống nhất giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, anh S cấp dưỡng cho con chung là 200.000 đồng/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thoả thuận của anh chị là không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Thành S và chị Nguyễn Thị Thu H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện, thực tế khách quan của các đương sự nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do chị anh Nguyễn Thành S và chị Nguyễn Thị Thu H thống nhất ly hôn trước khi mở phiên toà nên anh S và chị H, mỗi bên phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; Anh Nguyễn Thành S phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 110,116,117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5, Điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban hường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành S được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

2.Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 08-4-2016 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Thành S cấp dưỡng cho con chung là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*)/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án

của chị Nguyễn Thị Thu H cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Thành S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 75.000 đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (Chị H chưa nộp);

- Anh Nguyễn Thành S phải chịu 75.000 đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai số: 0002482 ngày 22-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Anh Nguyễn Thành S được trả lại 75.000 đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2- Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Thác Bà; tỉnh Lào Cai
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga